

Bản án số: 212/2023/DS-PT

Ngày: 15.5.2023

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Quốc

Ông Võ Bảo Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Ông Bùi Trung Nam

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 510/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L. Địa chỉ: Số A, KV B, P. K, Q. N, TP. Cần Thơ (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái T. Địa chỉ: C, đường số D, phường B, Q. N, TP. Cần Thơ. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Đình B (mất ngày 13/10/2019).

Địa chỉ: Số C, KV B, P. K, Q. N, TP. Cần Thơ.

- **Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Đình B:**

2.1 Bà Nguyễn Thị Bạch H (vợ ông B mất ngày 21/01/2022).

2.2 Bà Lê Thị Thanh T (con).

2.3 Ông Lê Thanh H1 (con).

2.4 Bà **Lê Thị Thu T1** (con) – có mặt.

Cùng địa chỉ: Số C, KV B , P. K, Q. N, TP. Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp cho bị đơn bà T1, ông H1, bà T: Ông Nguyễn Trường H.

Địa chỉ: C, đường T, phường A, Q. N, TP. Cần Thơ (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **NLQ1.** (vắng mặt).

Địa chỉ: đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.2. **NLQ2,** sinh năm 2004 - con bà T1 (vắng mặt).

3.3. **NLQ3** , sinh ngày 05/12/2015 - con bà T1 (vắng mặt).

Người giám hộ đối với cháu Thu: Bà Lê Thị Thu T1 là mẹ ruột.

Cùng địa chỉ: Số C, KV B , P. K, Q. N, TP. Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: ông Lê Thanh H1, bà Lê Thị Thu T1, bà Lê Thị Thanh T là người kế thừa tổ tụng của bị đơn ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông L - có đại diện hợp pháp là ông T trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên trước đây ông ngoại của ông Nguyễn Hoàng L là ông Huỳnh Xuân N có cho ông Lê Đình B mượn đất cất nhà trên phần đất của ông ngoại ông Nguyễn Hoàng L. Cho đến năm 1992 ông Nghi mất, mẹ ông L là bà Huỳnh Thị Đ được hưởng thừa kế phần đất trên và đã chuyển tặng cho một phần quyền sử dụng phần đất cho ông Nguyễn Hoàng L. Trước đó ông B có cam kết với ông ngoại ông Nguyễn Hoàng L và bà Điều là sau khi có đất cất nhà thì ông Lê Đình B trả lại phần đất cho ông L. Đến nay ông Lê Đình B có đất nhưng không di dời để trả lại phần đất trên như ông đã cam kết với địa phương tại biên bản hòa giải ở địa phương ngày 21/9/2007. Ông Nguyễn Hoàng L đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông B trả lại phần đất của ông L nhưng ông vẫn chưa trả mà cố tình chiếm dụng phần đất trên. Dù được hòa giải ở phường nhiều lần nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản tranh chấp, nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc và kết quả định giá của Công ty thẩm định giá Việt - Nhật. Do ông B và bà H mất nên nguyên đơn yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông B và bà H gồm Lê Thị Thu T1, Lê Thị Thanh T, Lê Thanh H1 (các con ông B) và những người ở trên phần đất là 02 người con của bà T1 trả lại trả lại phần đất gia đình nguyên đơn đã cho gia đình bị đơn ở nhờ với diện tích thực tế 48.4m² tại vị trí (A) thuộc thửa đất số 110 theo Bản trích đo địa chính số 51/TTKTTNMT ngày 16/4/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường – NLQ1 do ông Nguyễn Hoàng L đã được NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS18039 ngày 22/8/2017.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có ý kiến và yêu cầu phản tố như sau: Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do phần đất nguyên đơn yêu cầu phía ông Lê Đình B nhận nhượng lại của ông Huỳnh Xuân N từ năm 1985 với số tiền 250.000 đồng (có làm giấy tay) và gia đình bị đơn đã xây nhà ở từ đó cho đến nay. Việc NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng L trong khi gia đình bị đơn hoàn toàn không biết, việc cấp giấy chứng nhận cho nguyên đơn là trái quy định pháp luật. Bị đơn đồng ý với kết quả đo đạc và định giá, không có ý kiến gì thêm. Các bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị công nhận cho gia đình bị đơn phần đất diện tích 48.4m², tại vị trí (A) thuộc thửa đất số 110 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS18039 ngày 22/8/2017 do NLQ1 cấp cho ông Nguyễn Hoàng L.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

NLQ1 có ý kiến: về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 87. QSDĐ, cấp ngày 15/10/1990 cho ông Huỳnh Xuân N: NLQ1 không lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 87. QSDĐ, cấp ngày 15/10/1990 cho ông Huỳnh Xuân N tại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 01, diện tích 3346m² (vườn) tọa lạc tại xã B, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (cũ).

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS18039 cấp ngày 22/8/2017 cấp cho ông Nguyễn Hoàng L: Ngày 18/01/2017 ông Nguyễn Văn H2 sinh năm 1962, CMND số 360057559 và bà Huỳnh Thị Đ sinh năm 1956, CMND số 360133107 cùng ngụ tại khu vực B, phường K, quận N có đơn đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đang sử dụng. Thửa đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N đo đạc hiện trạng gồm các thửa 23, 96, 97, thuộc tờ bản đồ số 55, tổng diện tích 856m² (150m² ODT + 706m² CLN). Về nguồn gốc sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường K xác nhận của cha Huỳnh Xuân N và mẹ Phan Thị M cho con là Huỳnh Thị Đ cất nhà từ năm 1979, sử dụng ổn định không tranh chấp đến nay, có lập phiếu lấy ý kiến của các hộ dân cư trú cùng thời điểm sử dụng thửa đất trên. Việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất trên theo quy định.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn H2 và bà Huỳnh Thị Đ được phòng Tài nguyên và Môi trường quận N kiểm tra và có Tờ trình số 52/AK/TTr.PTNMT ngày 21/4/2017 trình Ủy ban nhân dân quận N xem xét. Ngày 25/4/2017 ông Nguyễn Văn H2 và bà Huỳnh Thị Đ được Ủy ban nhân dân quận N ký cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số CH 17278, CH 17279, CH 17280.

Ngày 28/7/2017 ông Nguyễn Văn H2 và bà Huỳnh Thị Đ lập hợp đồng tặng cho một phần diện tích thửa đất cho ông Nguyễn Hoàng L, hợp đồng được Văn phòng Công chứng ABC công chứng ngày 28/7/2017 số công chứng 9778, quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD. Thửa đất tặng cho được tách từ thửa đất số 97, cập nhật thửa đất mới thành thửa 110, diện tích 185m² (88,8m² ODT + 96,2m² CLN).

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N kiểm tra hồ sơ đầy đủ thủ tục, lập Phiếu chuyển thông tin địa chính số 1211/5 ngày 02/8/2017 gửi Chi cục Thuế quận N để xác định nghĩa vụ tài chính.

Sau khi chủ sử dụng hoàn thành nghĩa vụ tài chính Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N viết giấy chứng nhận và trình hồ sơ cấp giấy chứng nhận đến NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS18039, cấp ngày 22/8/2017 cho ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1995, CMND số 362375898, thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55, diện tích 185m² (88,8m² ODT + 96,2m² CLN), tọa lạc tại khu vực 6, quốc lộ 91B, P. K, Q. N. Phần diện tích đất còn lại được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận N cập nhật biến động theo quy định.

Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng L được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 79, Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L.

Buộc bà Lê Thị Thu T1, ông Lê Thanh H1, bà Lê Thị Thanh T và 02 người con của bà T1 gồm NLQ2 và cháu Lê Anh Thư đang sinh sống tại căn nhà và phần đất tranh chấp có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L phần đất có diện tích 48.4m² tại vị trí (A), thuộc thửa đất số 110 theo Bản trích đo địa chính số 51/TTKTTNMT ngày 16/4/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Chiếu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS18039 ngày 22/8/2017 do NLQ1 cấp cho ông Nguyễn Hoàng L đứng tên sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Thu T1, ông Lê Thanh H1 và bà Lê Thị Thanh T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 48.4m² tại vị trí (A), thuộc thửa đất số 110 và yêu cầu hủy

Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS18039 ngày 22/8/2017 do NLQ1 cấp cho ông Nguyễn Hoàng L đứng tên sử dụng.

3. Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện trả cho bị đơn giá trị công trình trên đất với số tiền 53.076.800 đồng. Bà Lê Thị Thu T1, ông Lê Thanh H1, bà Lê Thị Thanh T, bà NLQ2 và cháu Lê Anh Thư được quyền lưu cư trong thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật phải di dời giao trả nhà và đất nêu trên cho nguyên đơn.

4. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 07 tháng 10 năm 2022, các ông bà T1, Thanh H1, Thanh T kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy giấy đất cấp cho ông L và công nhận đất tranh chấp cho các ông, bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

- Các ông, bà T1, Thanh H1, Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, phần đất có nguồn gốc của ông Nghi là ông ngoại ông L, cho ông B ở, ông B nói chuyện nhượng từ ông Nghi có cung cấp giấy tay nhưng giấy bị mối mọt ăn không thể hiện rõ, không có công chứng chứng thực nên chữ ký không xác định có phải chữ ký ông Nghi hay không. Năm 1991, bà Điều là con ông Nghi có yêu cầu ông B trả đất, ông B nói có chỗ ở sẽ trả hoặc bà Điều hỗ trợ thì ông di dời, đến năm 2007 thì phía nguyên đơn có tranh chấp tại phường hòa giải ông B đồng ý trả lại đất nhưng với điều kiện bà Điều phải hỗ trợ cho ông, từ đây xác định ông B thừa nhận đất của ông Nghi cho ông ở nhờ nay phía nguyên đơn được cấp giấy, quy trình cấp giấy phù hợp pháp luật nên yêu cầu nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt nguyên đơn, các kế thừa tố tụng bị đơn nhưng có người đại diện nên tiến hành xét xử quyết vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của người kế thừa tố tụng của bị đơn:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: nguồn gốc đất là của ông Huỳnh

Xuân N, các bên đương sự đều thừa nhận. Theo hồ sơ thể hiện đất này ông Nghi được cấp quyền sử dụng năm 1990.

[2.2] Tuy nhiên, phía các bị đơn cho rằng đất này thì ông B đã nhận chuyển nhượng của ông Nghi vào năm 1985 với giá 250.000 đồng, có giấy tay phía bị đơn cung cấp (bút lục 76), qua xem xét giấy tay chuyển nhượng thấy rằng, giấy hiện nay đã bị mối mọt ăn không còn nguyên vẹn, không thể hiện diện tích ở đâu, và nếu như theo bị đơn cho rằng chính diện tích đất đang tranh chấp thì giấy tay chỉ có chữ ký ông Nghi, phía nguyên đơn không thừa nhận là chữ ký ông Nghi, giấy tay không có công chứng, chứng thực hay người làm chứng nên không có cơ sở xác định có phải chữ ký ông Nghi hay không, do đó, không có cơ sở xác định có việc chuyển nhượng đất tranh chấp từ ông Nghi cho ông B.

[2.3] Thực tế phía ông B sử dụng từ năm 1985 nhưng theo nguyên đơn xác định là cho ở nhờ là có căn cứ bởi các lẽ sau, năm 1991 phía bà Điều có đi đòi ông B trả lại phần đất ra chính quyền địa phương, ngày 10/11/1992, Ủy ban xã An Bình ra thông báo kết quả giải quyết đơn số 34/TB.AB.92 với nội dung đề nghị gia đình ông Nghi cho ông B ở khi nào ông B tìm được chỗ mới thì trả lại cho ông Nghi, bà Điều. Bên cạnh đó, tại biên bản hòa giải ở phường K ngày 21/9/2017 giữa bà Điều và ông B, bà Điều đòi phần đất và hỗ trợ cho gia đình ông B 10.000.000 đồng, phía ông B đồng ý di dời trả đất với điều kiện khi nào tìm được đất khác và bà Điều phải hỗ trợ 40.000.000 đồng. Qua đó, cho thấy ý chí của ông B khi còn sống cũng xác định là ông Nghi cho ở và sẽ dời nếu như có đất khác và bà Điều hỗ trợ tiền. Mặt khác, phía ông B cho rằng mình nhận chuyển nhượng thì lại không yêu cầu ông Nghi và bà Điều làm thủ tục đăng ký kê khai để được cấp giấy trong thời gian rất dài, nếu cho rằng mình chuyển nhượng thì tất nhiên ai cũng sẽ đi đăng ký để được cấp quyền sử dụng, phía các thừa kế bị đơn cho rằng không có tiền để làm và kéo dài đến hôm nay là không thể chấp nhận được.

[2.4] Phần đất tranh chấp hiện ông Nguyễn Hoàng L đứng tên sử dụng có nguồn gốc từ việc nhận tặng cho ngày 18/01/2017 từ ba mẹ của ông là ông Nguyễn Văn H2 và bà Huỳnh Thị Đ. Hồ sơ gồm: Đơn đề nghị đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đang sử dụng. Thửa đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N đo đạc hiện trạng gồm các thửa 23, 96, 97, thuộc tờ bản đồ số 55, tổng diện tích 856m² (150m² ODT + 706m² CLN). Về nguồn gốc sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường K xác nhận của cha Huỳnh Xuân N và mẹ Phan Thị Mạnh cho con là bà Huỳnh Thị Đ cất nhà từ năm 1979, sử dụng ổn định không tranh chấp đến nay, có lập phiếu lấy ý kiến của các hộ dân cư trú cùng thời điểm sử dụng thửa đất trên. Việc niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất trên theo quy định. Hồ sơ cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn H2 và bà Huỳnh Thị Đ đúng quy định.

Ngày 28/7/2017, ông Nguyễn Văn H2 và bà Huỳnh Thị Đ lập hợp đồng tặng cho một phần diện tích thửa đất cho ông Nguyễn Hoàng L được Văn phòng Công chứng ABC công chứng ngày 28/7/2017. Thửa đất tặng cho được tách từ thửa đất số 97, cập nhật thửa đất mới thành thửa 110, diện tích 185m² (88,8m² ODT + 96,2m² CLN). Ngày 22/8/2017, NLQ1 cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Hoàng L đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa 110. Nhận thấy, từ khi gia đình nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến khi nguyên đơn khởi kiện phía bị đơn không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn và cũng không có quyết định nào thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, phía bị đơn cho rằng không hay biết là không đúng bởi khi cấp giấy cho ông L hồ sơ thể hiện có đo đạc thực tại phần đất tranh chấp (bút lục 262). Như vậy, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hoàng L được thực hiện đúng theo quy định pháp luật đất đai. Phía bị đơn không chứng minh việc có sang nhượng từ gia đình nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo công nhận phần đất và hủy giấy chứng nhận cấp cho ông L là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính xác nên giữ nguyên.

[4] Về chi phí tố tụng: giữ nguyên như án sơ thẩm quyết định.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Sơ thẩm: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[5.2] Phúc thẩm: kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Lê Thanh H1, Lê Thị Thu T1, Lê Thị Thanh T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận N.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: các ông bà Lê Thanh H1, Lê Thị Thu T1, Lê Thị Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000101, 0000099, 0000102 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND Q. N;
- Chi Cục THADS Q. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hà Thị Phương Thanh